

Bản án số: 554/2024/DS-PT
Ngày: 21-11-2024
V/v tranh chấp “Đòi tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Giàu

Các Thẩm phán: Ông Trần Quốc Vũ

Bà Phạm Thị Thuỳ Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Trần Khánh Duy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 400/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2024, về việc tranh chấp “Đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2024/DS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 468/2024/QĐ-PT ngày 14 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 166/QĐ-PT ngày 30 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1978; cư trú tại: ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo uỷ quyền của chị Nguyễn Thị N: Ông Trần Việt L, sinh năm 1967; cư trú tại: Số C, ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh; (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị N: Luật sư Hồ Dương L1 - Công ty L2; (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Lê Thị N1 (G), sinh năm 1976; cư trú tại: ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo uỷ quyền của chị Lê Thị N1: Bà Mai Thị Kim H, sinh năm 1960; cư trú tại: khu phố D, Phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; theo văn bản uỷ quyền ngày 16/3/2024; (có mặt).

3. Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N, là nguyên đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 3 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Vào ngày 15/4/2015 chị N có cho chị N1 mượn số tiền 180.000.000 đồng để giải quyết việc gia đình, chị N1 hẹn sẽ trả dần cho chị. Các bên không viết giấy nợ nhưng chị N1 có viết vào sổ tay của chị số tiền mượn “180.000.000”; hai bên không thỏa thuận tiền lãi, không thế chấp, cầm cố tài sản gì. Từ ngày mượn, chị N1 đã trả nhiều lần được 80.000.000 đồng nhưng còn lại 100.000.000 đồng, chị N đã đòi nhiều lần nhưng chị N1 không trả. Do đó chị N khởi kiện yêu cầu chị N1 trả lại số tiền 100.000.000 đồng, không tính lãi.

Bà Mai Thị Kim H là người đại diện hợp pháp của chị Lê Thị N1 trình bày: Chị N1 không quan hệ vay mượn tiền gì với chị N nên không đồng ý trả chị N 100.000.000 đồng. Tuy nhiên chị N1 trình bày có hùn vốn làm vừa ve chai cùng chị N vào khoảng năm 2014-2015 nhưng 2 bên đã tính toán xong, không còn nợ khoản tiền nào. Thời gian đã lâu, chị N1 không nhớ chính xác chị có ghi con số “180.000.000” vào sổ tay của chị N hay không nhưng quá trình làm ăn chị N1 thừa nhận có thể có ghi nhưng chị N1 khẳng định chỉ ghi con số còn lại chưa hề ghi nội dung như “có nợ 180.000.000” hay “có mượn 180.000.000”. Vì vậy chị N1 không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn chị N.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị N xuất trình bản phô tô của trang giấy A4 có nội dung viết tay về khoản tiền 186.000.000 đồng đã trả xong, còn 100.000.000 đồng sẽ đối chiếu sau nếu đúng thì trả nếu sai không trả; chị N cho rằng giấy này chỉ có 01 bản gốc là bị đơn giữ, chị chỉ giữ là do chụp được từ điện thoại nên phô tô ra. Tại sổ tay (bút lục 26): chị N trình bày “dựa 180.000.000” đây là chữ viết của chị N1; còn các chữ còn lại đều do chị N tự ghi. Vì bạn bè rất thân thiết nên chị N không suy nghĩ ghi cho rõ ràng như giấy nợ nhưng chị tin rằng có con số “180.000.000” do tự chị N1 ghi là đủ rồi.

Bà H đại diện hợp pháp của chị N1 trình bày: Vẫn giữ nguyên ý kiến ban đầu. Việc chị N nộp bổ sung giấy phô tô, không có giá trị pháp lý; chị N1 không có bản gốc để cung cấp như nguyên đơn chị N trình bày. Mặt khác nội dung trong giấy về một khoản tiền 186.000.000 đồng không khớp với số tiền kiện là 180.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2024/DS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên tỉnh Tây Ninh đã quyết định.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N đối với chị Lê Thị N1 (G) về tranh chấp “Đòi tài sản” đối với số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu) đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19/8/2024 chị Nguyễn Thị N làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng buộc chị N1 trả lại cho chị N số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện của nguyên đơn ông Trần Việt L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N.
- Người đại diện của bị đơn bà Mai Thị Kim H yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định vụ án chưa thật sự khách quan, chưa thu thập đầy đủ chứng cứ và chưa đánh giá toàn diện các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Sổ nợ do chị N cung cấp trong đó chữ viết của chị N1 đã được cơ quan chuyên môn giám định; Giấy cam kết trả nợ do chị N2 (con của chị N1 viết) được chị N chụp qua máy ảnh điện thoại là chứng cứ. Trong giấy cam kết trả nợ có sự cam kết trả số tiền 100.000.000 đồng sau khi có kết quả đối chiếu. Ông Trần Văn C và ông Trần Minh H1 là người biết sự việc nhưng chưa được xác minh làm rõ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn sửa án sơ thẩm, buộc bị đơn phải trả cho bà N 100.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật.

- Ý kiến của Vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị N; giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị N là hợp lệ, đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N thấy rằng:

Chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu chị Lê Thị N1 (tên thường gọi là G) trả số tiền 100.000.000 đồng, chứng cứ chị N cung cấp là sổ tay theo dõi, có nội dung: Tiền giao... tiền cộng 15/4/15....Dựa 180.000.000....mỹ 3.000.000 + 1.000.000 (BL 26). Theo chứng cứ chị N cung cấp không thể hiện rõ nội dung chị N1 có nợ chị N số tiền 180.000.000 đồng. Đồng thời, chị N trình bày số tiền

180.000.000 đồng chị N1 đã trả được 80.000.000 đồng, còn nợ 100.000.000 đồng nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh chị N1 còn nợ 100.000.000 đồng, bị đơn chị Lê Thị N1 cũng không thừa nhận còn nợ chị N số tiền 100.000.000 đồng. Chị N1 trình bày khoảng năm 2014, 2015 chị N1 và chị N có hùn vốn mua ve chai nhưng hai bên đã tính toán xong, không còn nợ khoản tiền nào, chứng cứ chị N cung cấp không thể hiện chị N1 còn nợ tiền chị N. Ngoài ra, ngày 18/12/2018 giữa chị N và chị N1 (Giào) chốt nợ chị N1 còn nợ chị N số tiền 186.000.000 đồng; đến ngày 08/7/2022 con gái chị N1 là Nguyễn Thị Minh N2 trả cho chị N số tiền 186.000.000 đồng và xác nhận chính thức chấm hết số nợ trước giờ, chị N và con trai Võ Văn Q đồng ý nhận tiền và ký tên xác nhận. Do đó, có cơ sở xác định chị Lê Thị N1 không còn nợ tiền chị Nguyễn Thị N.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chị N cho rằng chị N1 có nợ tiền chị N theo sổ ghi chép của chị N, giấy cam kết trả số tiền 100.000.000 đồng sau khi có kết quả giám định và có hai nhân chứng biết rõ sự việc này. Nhưng xét thấy các nội dung chính trong chứng cứ nguyên đơn cung cấp không thể hiện rõ ràng về việc chị N1 còn nợ chị N số tiền 100.000.000 đồng và nhân chứng là ông Trần Văn C và ông Trần Minh H1 đã từ chối việc làm chứng. Chứng cứ mà chị N cung cấp để khởi kiện chị N1 là bản phô tô, không có giá trị pháp lý, không được xem xét là chứng cứ trong vụ kiện. Nội dung giấy nợ phô tô mà chị N cung cấp cũng liên quan đến số tiền khác, không phải số tiền 180.000.000 đồng của vụ kiện này, do đó không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N đòi chị N1 trả lại số tiền 100.000.000 đồng là có căn cứ. Đề nghị của Luật sư tại phiên tòa là không có cơ sở chấp nhận.

Xét thấy, cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N về việc yêu cầu chị N1 trả lại số tiền 100.000.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự. Chị N kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị N; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của chị N không được chấp nhận nên chị N phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, không kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày kết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị N; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2024/DS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự; Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N đối với chị Lê Thị N1 (G) về tranh chấp “Đòi tài sản” đối với số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu) đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị N phải chịu 5.000.000 (năm triệu) đồng. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị N đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 004944 ngày 19/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Chị N phải nộp tiếp 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Lê Thị N1 không phải chịu án dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí phúc thẩm: Chị N phải chịu là 300.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005133 ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, chị N đã nộp xong án phí phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP HCM;
- VKSNDCC tại TP HCM;
- Phòng KTNV-THA, TAT;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- TAND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Giàu

